

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày 19 – 02 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Sĩ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Vượng
Bà Trần Kim Nguyễn
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Nhiêu – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:***
Ông Đoàn Đức Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp tiền vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 810/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Hồ Thị Đ; sinh năm : 1969; Cư trú tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Dương Quốc Ch, sinh năm : 1959; Cư trú tại ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn : anh Dương Công L, sinh năm : 1983; nơi cư trú ; ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh D. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đ trình bày : ông Ch có vay tiền của chị nhiều lần từ năm 2012 đến năm 2013, với số tiền vốn là 9.000.000đ. sau đó ngày 30/7/2014 chị và ông Dương Quốc Ch kết toán nợ lại tổng số tiền vốn và lãi là 24.000.000đ nhưng ghi làm biên nhận là tiền mượn. Quá trình vay tiền ông Ch trả được 02 lần lãi : một lần vào năm 2016 trả được 800.000đ và 01 lần vào năm 2017 trả được 1.200.000đ thì ngưng cho đến nay không trả thêm được khoản tiền nào, nay chị yêu cầu ông Ch trả số tiền vốn và lãi là 22.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Ông Dương Quốc Ch trình bày : vào khoảng năm 2013 ông vó vay của bà Hồ Thị Đ hai đợt : đợt 1 : 2.000.000đ, đóng lãi mỗi ngày 20.000đ ông đóng lãi được khoảng 5, 6 tháng. Sau đó ông vay thêm 2.000.000đ, tổng cộng là 4.000.000đ, ông đóng lãi cho bà Đ khoảng 8.000.000 đến 10.000.000đ. Đến năm 2018 ông đóng lãi cho bà Đ 02 đợt được 2.000.000đ nữa, nay ông đồng ý trả vốn 4.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Ch trả cho chị Đ số tiền 9.000.000đ vốn và khoản lãi điều chỉnh theo quy định của pháp luật. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp được xác định là tiền vay. Nội dung tranh chấp của các đương sự là số tiền 24.000.000đ. Tại phiên tòa chị Đ thì cho rằng ông Ch còn nợ chị vốn và lãi là 22.000.000đ đến nay chưa toán, còn phía bị đơn thì xác định chỉ còn nợ vốn 4.000.000đ và tại phiên tòa anh L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng việc nguyên đơn khởi kiện ông Ch đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 149; Điều 429 bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng :

- Về thời hiệu khởi kiện : tại phiên tòa chị Đ xác định ông Ch đóng lãi được 02 lần : vào năm 2016 đóng được 800.000đ và năm 2017 đóng được 1.200.000đ và tại bản tự khai ngày 24/10/208 ông Ch xác định năm 2018 ông có đóng lãi thêm cho chị Đ 2.000.000đ, còn về ngày tháng cụ thể thì cả hai đều không xác định được, do đó về nguyên tắc có lợi cho đương sự thì chấp nhận theo lời trình bày của phía bị đơn là phù hợp. Xét thấy lời khai của các đương sự là tự nguyện không bị ai ép buộc, cho nên dù có lấy mốc thời gian theo lời trình bày của nguyên đơn hay bị đơn thì thời hiệu khởi kiện của chị Đ khởi kiện ông Ch vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Vì vậy việc anh L cho rằng vụ án hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

- Về số tiền vay : tại phiên tòa phía đại diện bị đơn xác định ông Ch chỉ vay của chị Đ 4.000.000đ và chữ viết “ Quốc Ch ” tại hai tờ biên nhận do chị Đ cung cấp là không phải của ông Ch nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với vấn đề này quá trình giải quyết vụ án tòa án đã trưng cầu giám định chữ chữ viết của ông Ch, và tại kết luận giám định số 157/GĐ-2018 ngày 23/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận : chữ viết “ Quốc Ch”, viết ở dòng thứ 8 (tính

từ trên xuống), dưới cụm từ “ để cho mượn 24.000.000đ ” trên giấy kẻ ngang (BL 33) và chữ viết “ Quốc Ch ”, viết ở dòng thứ 11 (tính từ trên xuống), dưới cụm từ “ cộng lại còn 15.050.000đ ” trên giấy kẻ ngang (BL 34) so với chữ viết họ tên “ Dương Quốc Ch ”, dưới mục “ Bên ủy quyền ” trên giấy ủy quyền ngày 25/10/2018 và chữ viết trên “ bản tự khai” ngày 24/10/2018 là do cùng một người viết ra. Từ kết luận giám định này cho thấy việc ông Ch có vay tiền của chị Đ là có cơ sở. Tuy nhiên, số tiền vốn mà đôi bên giao dịch với nhau có sự chênh lệch không trùng khớp nhau, nhưng tại phiên tòa chị Đ thừa nhận số tiền vốn mà chị cho ông Ch vay tổng cộng là 9.000.000đ, xét thấy việc thừa nhận này phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án (BL 34), trong khi đó anh L là người đại diện cho bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho việc ông Ch vay của chị đường 4.000.000đ. Do đó từ những đánh giá và phân tích trên có đủ căn cứ xác định số tiền vốn ông Ch vay của chị Đ là 9.000.000đ, chứ không phải là 4.000.000đ như phía bị đơn trình bày.

- Đối với khoản tiền lãi : tại tòa chị Đ xác định vào ngày 30/6/2013 âm lịch đôi bên kết toán tiền vốn lại và tính lãi đến ngày 30/12/2013 al, tổng cộng vốn và lãi là 15.050.000đ. sau đó đến ngày 30/7/2014 al đôi bên tiếp tục kết toán vốn và lãi lại thành tiền mượn là 24.000.000đ, trong đó tiền vốn là 9.000.000đ; lãi là 15.000.000đ. Đối với bị đơn thì không thừa nhận phần này, mà chỉ thừa nhận có đóng lãi cho chị đường 2.000.000đ vào năm 2018 của khoản tiền vay 4.000.000đ.

Về khoản tiền lãi theo như nguyên đơn trình bày, xét thấy việc tính lãi như đã nêu trên là cao hơn so với quy định tại Bộ luật dân sự. Do đó số tiền lãi cần phải được điều chỉnh cho phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật.

Số tiền lãi được điều chỉnh như sau :

Từ ngày 30/6/2013 âm lịch (là ngày 06/8/2013 dương lịch) đến ngày 19/02/2019 là 66 tháng $13 \text{ ngày} \times 9.000.000\text{đ} \times 1,66\% = 9.925.140\text{đ} - 2.000.000\text{đ}$ tiền lãi ông Chính trả = 7.925.140đ.

Tổng cộng vốn và lãi : $9.000.000\text{đ}$ vốn + $7.925.140\text{đ}$ lãi = $16.925.140\text{đ}$.

Như vậy số tiền ông Ch phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Đ tổng số tiền vốn và lãi là 16.925.140đ.

Số tiền chênh lệch chị đường không được chấp nhận là 7.074.860đ.

[3] Về chi phí giám định ông Ch có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Đ số tiền 2.040.000đ khi bản án có hiệu lực.

[4] án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Điều 429, 463, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Đ. Buộc ông Dương Quốc Ch thanh toán cho chị Hồ Thị Đ số tiền 16.925.140đ

- Buộc ông Dương Quốc Ch hoàn trả cho chị Hồ Thị Đ tiền chi phí giám định là 2.040.000đ.

Kể từ ngày chị Hồ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Dương Quốc Ch không thi hành các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Đ khởi kiện ông Dương Quốc Ch số tiền chênh lệch là 7.047.860đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Dương Quốc Ch phải chịu 846.000đ (chưa nộp). Chị Hồ Thị Đ phải chịu 352.000đ, ngày 20/9/2018 chị đã dự nộp 600.000đ được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước. Chị Đ được nhận lại 248.000đ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ